

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ  
PHƯƠNG ĐÔNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi  
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thương Huyền	Thành viên
Ông Trần Đình Phúc	Thành viên
Ông Phó Thiên Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2012)
Bà Lê Thị Mai Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2012)
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Phúc	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2012)
	Phó Giám đốc (đến ngày 09 tháng 8 năm 2012)
Ông Thái Hồng Nhã	Phó Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2012)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Đình Phúc**  
Giám đốc

Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Số: 75 /Deloitte-AUDIT-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay vì không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 26.650.359.379 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42.649.797.334 VND), lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 46.808.260.691 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 52.385.505.621 VND). Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn các khoản vay đến hạn để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 sẽ khả quan. Các cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến (Tiếp theo)

- Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu "PETROVIETNAM và hình" với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa thanh lý hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản phí phải trả PVN cho 6 tháng cuối năm 2011 và cả năm 2012 với số tiền 1,5 tỷ VND. Theo giải thích của Công ty, Công ty vẫn đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Nếu Công ty hạch toán theo đúng cam kết, chi phí hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty sẽ tăng lên 1,0 tỷ VND và lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty sẽ tăng lên 1,5 tỷ VND.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 và số 7 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty tồn tại khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND, đồng thời đã trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND. Công ty đã nhận được quyết định phân chia tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH ngày 13 tháng 12 năm 2011 với số tiền thu hồi là 78.356.769 VND và quyết định tuyên bố phá sản ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Sau đó, Công ty đã làm đơn khiếu nại đề nghị tòa xem xét lại quy trình phá sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH vì cho rằng Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH chưa đủ điều kiện để phá sản. Ngày 04 tháng 4 năm 2012, Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã có Quyết định số 27/2012/QĐ-PT, quyết định không chấp nhận khiếu nại của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và giữ nguyên Quyết định số 01/2012/QĐ-TBPS ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về việc "Tuyên bố Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận bị phá sản". Tuy nhiên, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý các khoản công nợ nêu trên.



*[Signature]*  
Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013*

Hoàng Văn Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>29.987.442.763</b>	<b>24.131.264.241</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>19.729.774.554</b>	<b>11.701.076.879</b>
1. Tiền	111		10.729.774.554	11.701.076.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.588.600.524</b>	<b>5.870.340.726</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	24.132.380.962	22.707.420.809
2. Trả trước cho người bán	132	7	27.265.917.819	27.299.501.025
3. Các khoản phải thu khác	135		737.846.765	803.570.104
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(45.547.545.022)	(44.940.151.212)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.946.935.906</b>	<b>3.615.422.838</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.946.935.906	3.615.422.838
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.722.131.779</b>	<b>2.944.423.798</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		780.889.537	1.718.845.736
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		941.242.242	1.225.578.062
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>152.778.504.202</b>	<b>163.820.637.703</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>139.875.713.701</b>	<b>150.395.455.279</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	138.850.131.380	147.286.385.998
- Nguyên giá	222		188.011.335.332	192.218.344.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.161.203.952)	(44.931.958.180)
2. Tài sản cố định vô hình	227		531.788.984	465.009.413
- Nguyên giá	228		886.061.950	762.561.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(354.272.966)	(297.552.537)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	493.793.337	2.644.059.868
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.172.670.000</b>	<b>12.172.670.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	12.172.670.000	12.172.670.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>730.120.501</b>	<b>1.252.512.424</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	480.120.501	1.002.512.424
2. Tài sản dài hạn khác	268		250.000.000	250.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>182.765.946.965</b>	<b>187.951.901.944</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300-310+330)</b>	<b>300</b>		<b>56.637.802.142</b>	<b>67.401.002.051</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.637.802.142</b>	<b>66.781.061.575</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	40.420.000.000	50.540.000.000
2. Phải trả người bán	312		5.464.423.448	6.555.436.215
3. Người mua trả tiền trước	313		278.543.400	82.926.799
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	646.376.126	578.069.415
5. Phải trả người lao động	315		5.758.645.148	-
6. Chi phí phải trả	316		564.940.000	571.075.320
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.607.288.408	8.555.968.214
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(102.414.388)	(102.414.388)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>619.940.476</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	409.275.076
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	210.665.400
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400-410)</b>	<b>400</b>		<b>126.128.144.823</b>	<b>120.550.899.893</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>126.128.144.823</b>	<b>120.550.899.893</b>
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		116.593.948	116.593.948
4. Lỗ lũy kế	420		(46.808.260.691)	(52.385.505.621)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>182.765.946.965</b>	<b>187.951.901.944</b>

Người lập biểu

Kim Thị Liên Quý

Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Phó phụ trách  
Phòng Tài chính Kế toán

Lê Thị Hồng Gấm

Giám đốc



Trần Đình Phúc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		138.957.041.738	124.468.430.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.110.098.716	1.722.862.221
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	136.846.943.022	122.745.568.363
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	120.142.365.361	106.616.531.709
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.704.577.661	16.129.036.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.791.895.404	248.954.923
7. Chi phí tài chính	22	19	1.164.406.995	1.144.245.214
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.163.803.559	1.141.860.272
8. Chi phí bán hàng	24		2.312.542.028	1.712.863.713
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.900.680.001	9.235.596.834
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		9.118.844.041	4.285.285.816
11. Thu nhập khác	31		555.472.823	299.736.283
12. Chi phí khác	32		4.097.071.934	1.560.832.350
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(3.541.599.111)	(1.261.096.067)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50=30+40)	50		5.577.244.930	3.024.189.749
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.577.244.930	3.024.189.749
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	372	202

Người lập biểu

Kim Thị Liên Quý

Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Phó phụ trách

Phòng Tài chính Kế toán

Lê Thị Hồng Gấm

Giám đốc



Trần Đình Phúc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.577.244.930	3.024.189.749
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.774.692.298	7.897.991.123
Các khoản dự phòng	03	607.393.810	280.989.770
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.766.798.328	251.969.410
Chi phí lãi vay	06	1.163.803.559	1.141.860.272
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.889.932.925	12.597.000.324
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.540.375.865)	(277.750.813)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.668.486.932	(1.817.665.801)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	756.234.543	765.962.963
Thay đổi tài sản ngắn hạn khác	12	1.460.348.122	92.198.303
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.163.803.559)	(1.141.860.272)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(187.545.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.070.823.098	10.030.339.649
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(665.553.519)	(6.147.450.145)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	388.894.001	1.222.731
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.618.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	25	-	4.318.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay	27	1.774.534.095	246.413.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.497.874.577	(4.199.814.369)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	802.200.800
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.540.000.000)	(3.450.725.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.540.000.000)	(2.648.524.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.028.697.675	3.182.000.356
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.701.076.879	8.519.076.523
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	19.729.774.554	11.701.076.879

Người lập biểu



Kim Thị Liên Quý

Phó phụ trách  
Phòng Tài chính kế toán



Lê Thị Hồng Gấm



Trần Đình Phúc

Thành phố Vinh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001789 ngày 01 tháng 02 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ năm 2009.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 08 tháng 6 năm 2010, ngành nghề hoạt động của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Mua bán bia rượu các loại, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Vận chuyển hành khách đường bộ, theo hợp đồng, khách du lịch bằng ô tô;
- Đại lý, mua bán: phân bón, xăng dầu và các sản phẩm xăng dầu;
- Mua bán, chế biến hàng nông sản;
- Dịch vụ môi giới tuyển sinh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Mua bán các loại hàng hóa phục vụ khách du lịch;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Mua bán thiết bị điện tử, viễn thông, điện lạnh, điện dân dụng, điện gia dụng, đồ nội thất gia đình, nội thất văn phòng;
- Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm tin học;
- Mua bán sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá bất động sản và quản lý điều hành sản giao dịch bất động sản);
- Chế biến, mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm mĩa đường, các mặt hàng chế biến từ lâm sản (mủ cao su, nhựa thông, ...);
- Khai thác, mua bán khoáng sản;
- Kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi;
- Vận tải hàng hóa đường thủy;
- Dịch vụ bán vé máy bay và các phương tiện vận tải công cộng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 250 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 261 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Khả năng tiếp tục hoạt động**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 26.650.359.379 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 42.649.797.334 VND) và lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 46.808.260.691 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 52.385.505.621 VND), trong đó Công ty tồn tại khoản nợ dài hạn đến hạn trả 40 tỷ VND cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 sẽ khả quan. Các cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm (*)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2,4 - 50
Máy móc, thiết bị	13 - 50
Phương tiện vận tải	10 - 50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản khác	4 - 8

(\*) Một số tài sản được bán giao lại tại thời điểm cổ phần hóa (ngày 31 tháng 01 năm 2008) được trích khấu hao theo giá trị còn lại và số năm sử dụng hữu ích còn lại.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



